

Cao Việt Hùng, CFA

(028) 7300 7000 (ext: 1049)

hungcv@acbs.com.vn

Báo cáo Cập nhật

Khuyến nghị

KHẢ QUAN

HOSE: MBB

Ngân hàng

Giá mục tiêu (VND) 27.000

Giá hiện tại (VND) 24.250

Tỷ lệ tăng giá +11,3%

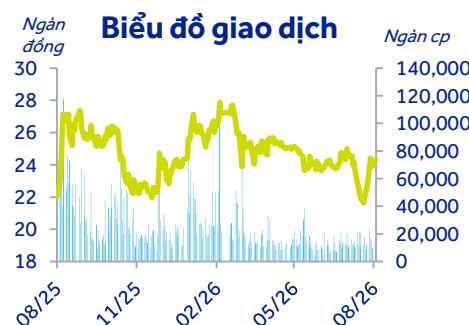
Suất sinh lợi cổ tức kỳ vọng 2,1%

Tổng tỷ suất lợi nhuận +13,4%

Diễn biến giá cổ phiếu (%)

	YTD	1T	3T	12T
Tuyệt đối	-0,3	-1,6	-3,5	10,0
Tương đối	-1,2	2,3	2,8	-4,1

Nguồn: Bloomberg



Cơ cấu sở hữu

Viettel	18,4%
SCIC	9,8%
TCT Trực thăng Việt Nam	7,0%
TCT Tân Cảng Sài Gòn	6,2%
VCB	3,8%

Thống kê

10-08-2026

Mã Bloomberg

MBB VN

Thấp/Cao 52 tuần (VND) 21,350-29,500

SL lưu hành (triệu cp) 8,055

Vốn hóa (tỷ đồng) 195,334

Vốn hóa (triệu USD) 7,413

Room khối ngoại còn lại (%) 1.0

Tỷ lệ cp lưu hành tự do (%) 69.2

KLGD TB 3 tháng (cp) 13,718,077

VND/USD 26,350

Index: VNIndex / HNX 1776.77/287.68

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MBB)

Chúng tôi hạ 3,6% giá mục tiêu 1 năm xuống 27.000 đồng/cp, do (1) giảm P/E mục tiêu từ 8,0x xuống 6,5x – tương đương trung vị lịch sử để phản ánh môi trường lãi suất cao và (2) chuyển thời điểm định giá sang giữa năm 2027F. Duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN. 6T2026, ngân hàng hoàn thành 49-51% kế hoạch LNTT (tăng trưởng 15-20% svck) và 48% dự phóng của chúng tôi. Cho cả năm 2026F, chúng tôi dự báo LNTT đạt 42.407 tỷ đồng, tăng 23,7% svck.

LNTT Q2/26 tích cực (+40,7% svck và +9,7% sv quý trước), được thúc đẩy bởi tăng trưởng tín dụng cao, trong khi chi phí hoạt động và chi phí dự phòng được kiểm soát.

Tin dụng duy trì đà mở rộng mạnh mẽ (+37,8% svck và +13,2% sv đầu năm), vượt trội so với ngành (+17% svck và +8% sv đầu năm), trong đó cho vay doanh nghiệp BĐS-XD tăng trưởng khá nhanh (+76,6% svck), tập trung BĐS nhà ở TP.HCM, Hà Nội và BĐS KCN. Tuy nhiên, rủi ro lĩnh vực BĐS vẫn đang được kiểm soát, tỷ lệ nợ xấu ~0% và tỷ trọng vẫn chưa phải quá lớn (17,1%).

NIM phục hồi +36 bps sv quý trước lên tương đương cùng kỳ là 4,23% nhờ lãi suất cho vay cao bắt đầu phản ánh mạnh hơn lên lợi suất tài sản sinh lãi.

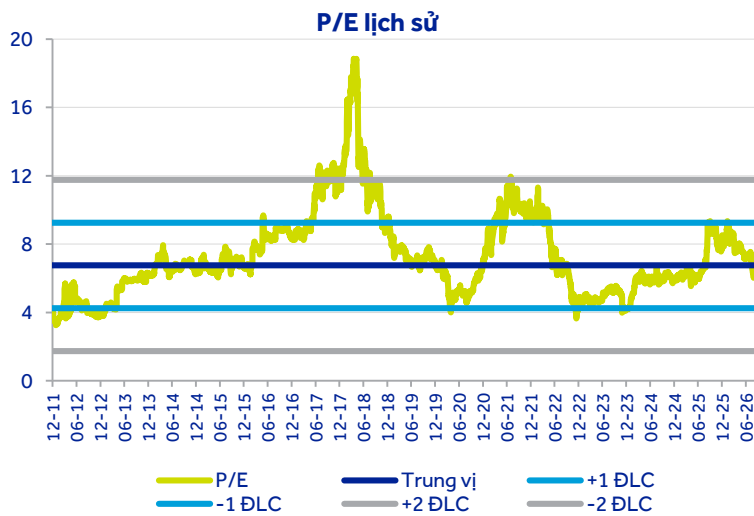
Thu nhập ngoài lãi khó khăn (-27,3% svck và +40,7% sv quý trước) theo xu hướng chung toàn ngành, với kết quả kém tích cực ở tất cả các mảng dịch vụ, ngoại hối, chứng khoán và thu nợ ngoại bảng, do thanh khoản TTCK và BĐS suy giảm.

Tổng thu nhập tăng trưởng ở mức trung bình (+18,5% svck và +17,2% sv quý trước) nhưng nhờ chi phí hoạt động tăng chậm hơn (+13,5% svck), tỷ lệ CIR tiếp tục xu hướng giảm, chỉ còn 27,5%, qua đó giúp lợi nhuận vẫn tăng trưởng cao.

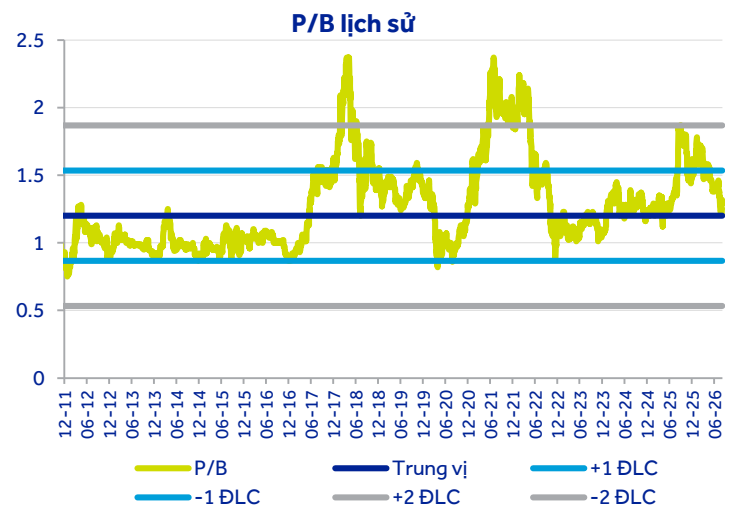
Chất lượng tài sản ổn định. Tỷ lệ nợ chuyển quá hạn duy trì ở mức 0,37%/quý – thấp hơn sv trung bình lịch sử 0,5%/quý. Tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 nhìn chung đi ngang ở mức lần lượt là 1,4% và 1,0%. Nhờ đó, chi phí tín dụng được kiểm soát 0,36%/quý, tỷ lệ bao phủ nợ xấu ổn định ở mức ~94%.

Môi trường lãi suất cao nhưng triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực của MBB là cơ sở để chúng tôi áp dụng P/E mục tiêu 6,5x – tương đương trung vị lịch sử. Theo đó, giá mục tiêu 1 năm là 27.000 đồng/cp.

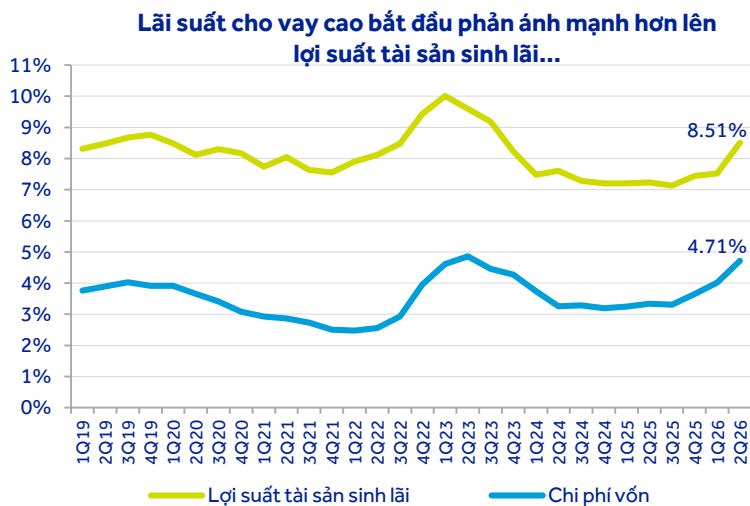
(Đơn vị: tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tăng trưởng tín dụng	24.9%	28.0%	24.7%	36.7%	35.0%	35.0%
NIM	5.76%	4.87%	4.13%	3.91%	4.01%	3.91%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi	21.0%	18.2%	25.7%	23.8%	16.3%	15.6%
Tăng trưởng tổng thu nhập	23.4%	3.8%	17.1%	22.2%	25.8%	28.1%
CIR	32.5%	31.5%	30.7%	29.1%	26.6%	23.9%
Chi phí tín dụng (%)	1.8%	1.1%	1.3%	1.4%	2.1%	2.1%
LN trước thuế	22,729	26,306	28,829	34,268	42,407	55,769
Tăng trưởng	37.5%	15.7%	9.6%	18.9%	23.7%	31.5%
LNST sau lợi ích CĐTS	17,483	20,677	22,634	26,779	33,138	43,580
LN thuộc về cổ đông	16,674	19,372	21,047	25,003	30,952	40,875
EPS điều chỉnh (VND)	2,070	2,405	2,613	3,104	3,493	4,613
BVPS (VND)	9,429	11,513	13,923	16,901	18,858	22,971
ROA	2.5%	2.3%	2.0%	1.8%	1.7%	1.7%
ROE	24.6%	23.0%	20.5%	20.1%	20.4%	22.1%
CAR (Basel 2)	11.5%	10.8%	11.8%	11.0%	10.4%	9.4%
P/E (x)	4.3	4.8	6.0	7.8	6.3	4.8
P/B (x)	0.9	1.0	1.1	1.4	1.2	1.0
Cổ tức (VND)	-	500	500	300	1,000	500



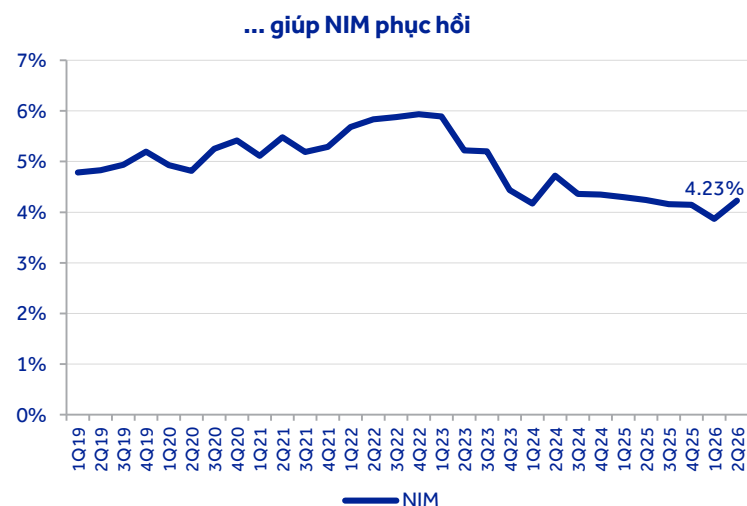
Nguồn: FiinPro-X, ACBS



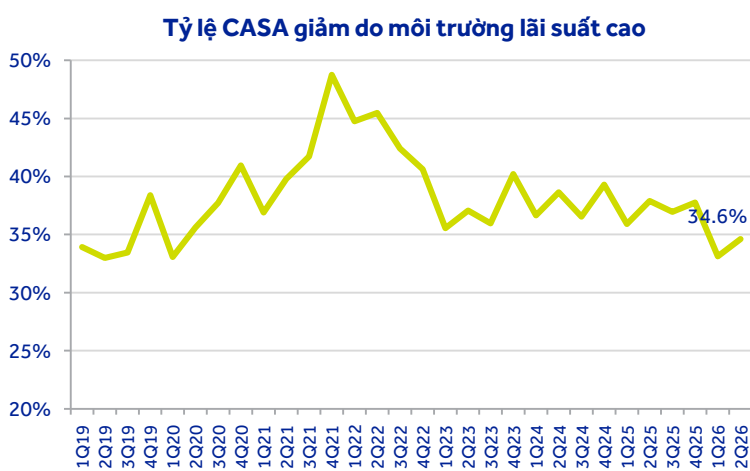
Nguồn: FiinPro-X, ACBS



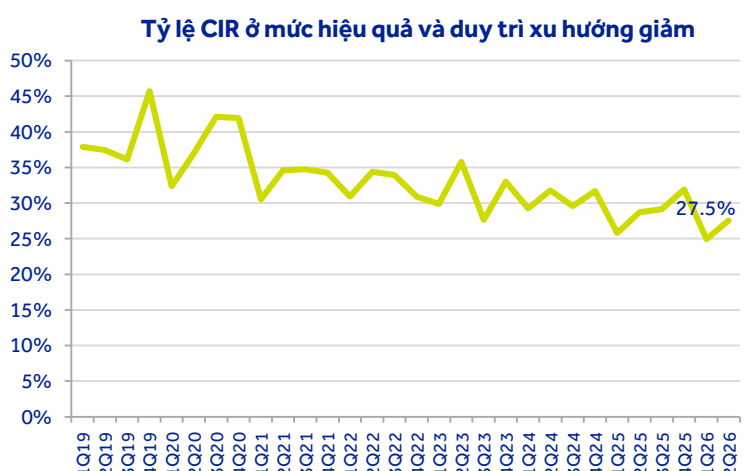
Nguồn: MBB, ACBS ước tính



Nguồn: MBB, ACBS ước tính

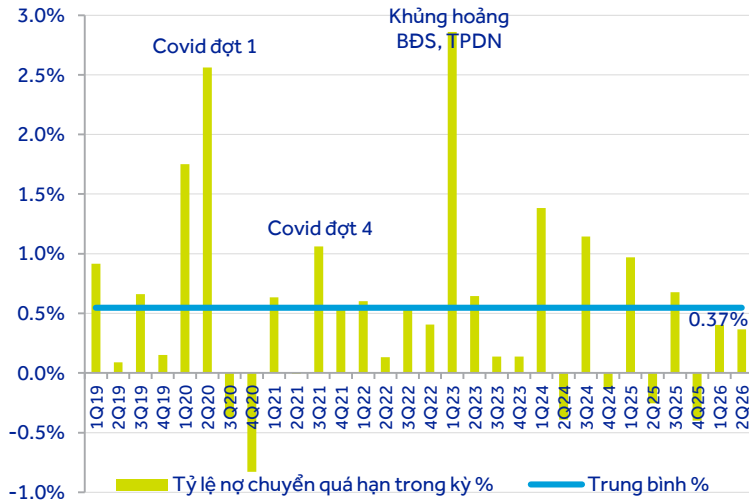


Nguồn: MBB, ACBS ước tính



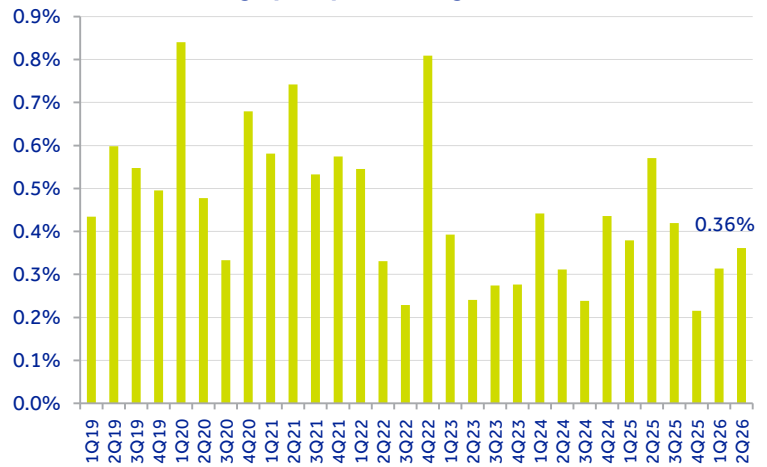
Nguồn: MBB, ACBS ước tính

Tỷ lệ nợ chuyển quá hạn ổn định ở mức thấp...



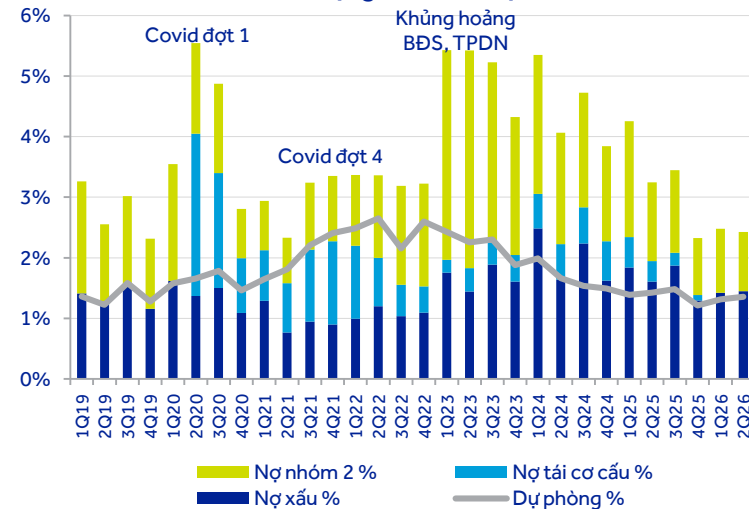
Nguồn: MBB, ACBS ước tính

... giúp chi phí tín dụng được kiểm soát



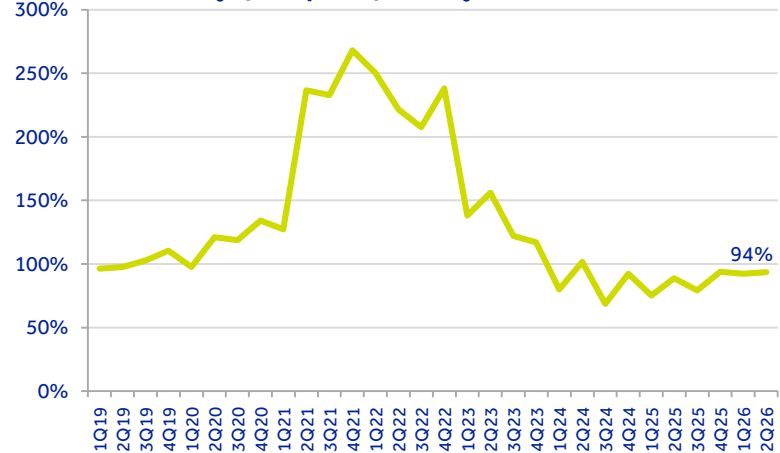
Nguồn: MBB, ACBS ước tính

Chất lượng tài sản ổn định



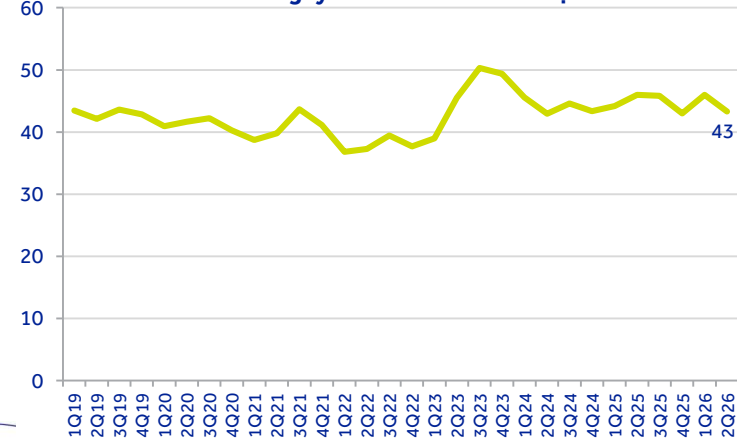
Nguồn: MBB, ACBS ước tính

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu duy trì ở mức tốt



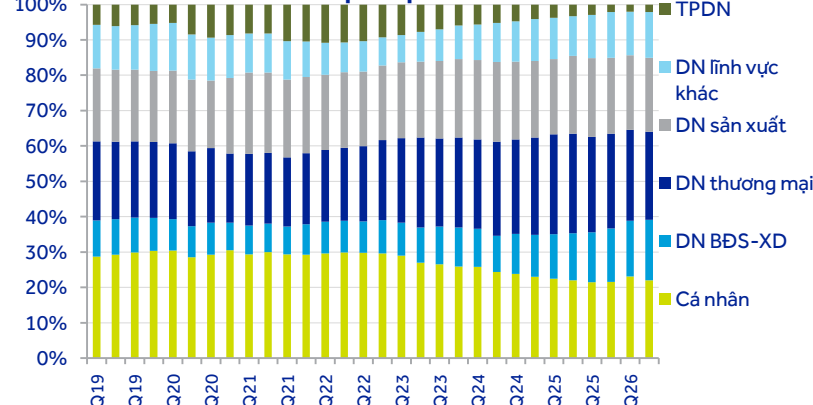
Nguồn: MBB, ACBS ước tính

Số ngày thu lãi ở mức lành mạnh



Nguồn: MBB, ACBS ước tính

Tỷ trọng cho vay DN BĐS-XD đang tăng dần dù chưa phải quá lớn



Nguồn: MBB, ACBS ước tính

(Đơn vị: tỷ đồng, trừ khi chú thích khác)	Giá hiện tại (đồng):	24.250	Giá mục tiêu (đồng):	27.000	Vốn hóa (tỷ đồng):	195.334
KẾT QUẢ KINH DOANH	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	36,023	38,684	41,152	51,610	71,311	92,100
Lợi nhuận từ dịch vụ	4,136	4,085	4,368	6,579	7,237	7,960
Lợi nhuận khác	5,434	4,537	9,893	9,504	6,628	9,063
Tổng thu nhập	45,593	47,306	55,413	67,693	85,175	109,123
Tăng trưởng (%)	23.4%	3.8%	17.1%	22.2%	25.8%	28.1%
Chi phí hoạt động	(14,816)	(14,913)	(17,007)	(19,681)	(22,633)	(26,028)
LN trước dự phòng	30,777	32,393	38,406	48,012	62,542	83,095
Chi phí dự phòng	(8,048)	(6,087)	(9,577)	(13,744)	(20,135)	(27,326)
LN trước thuế	22,729	26,306	28,829	34,268	42,407	55,769
Tăng trưởng (%)	37.5%	15.7%	9.6%	18.9%	23.7%	31.5%
LN sau thuế (sau lợi ích CĐTS)	17,483	20,677	22,634	26,779	33,138	43,580
LN thuộc về cổ đông	16,674	19,372	21,047	25,003	30,952	40,875
EPS điều chỉnh (VND)	2,070	2,405	2,613	3,104	3,493	4,613
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)	507,683	649,795	810,199	1,107,430	1,495,030	2,018,290
Tăng trưởng (%)	24.9%	28.0%	24.7%	36.7%	35.0%	35.0%
Tiền gửi khách hàng	443,606	567,533	714,154	921,368	1,197,779	1,617,001
Tăng trưởng (%)	15.3%	27.9%	25.8%	29.0%	30.0%	35.0%
Tổng tài sản	728,532	944,954	1,128,801	1,615,764	2,098,948	2,822,843
Vốn chủ sở hữu	75,949	92,738	112,149	136,136	167,088	203,533
BVPS (VND)	9,429	11,513	13,923	16,901	18,858	22,971
CHỈ SỐ	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.1%	1.6%	1.6%	1.3%	1.5%	1.5%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)	238%	117%	92%	94%	95%	100%
NIM (%)	5.8%	4.9%	4.1%	3.9%	4.0%	3.9%
CIR (%)	32%	32%	31%	29%	27%	24%
ROA (%)	2.5%	2.3%	2.0%	1.8%	1.7%	1.7%
ROE (%)	24.6%	23.0%	20.5%	20.1%	20.4%	22.1%
CAR Basel 2 (%)	11.5%	10.8%	11.8%	0.0%	0.0%	0.0%
P/E (x)	4.3	4.8	6.0	7.8	6.3	4.8
P/B (x)	0.9	1.0	1.1	1.4	1.2	1.0
Suất sinh lợi cổ tức (%)	0.0%	3.2%	3.2%	1.9%	4.1%	2.1%

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CÁC NGÂN HÀNG

(Đơn vị: tỷ đồng)

Mã CK	Sàn	Vốn hóa 10/08/26	Tổng tài sản Q2/26	Vốn chủ sở hữu Q2/26	Tỷ lệ nợ xấu Q2/26	Tỷ lệ nợ nhóm 2 Q2/26	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu Q2/26	ROA (TTM)	ROE (TTM)	CAR (Basel 2) 2025	P/E	P/B
BID	HOSE	284,287	3,440,844	198,778	1.8%	1.3%	75.9%	1.0%	18.2%	9.2%	8.6	1.5
CTG	HOSE	252,426	2,962,004	200,214	1.2%	1.0%	134.0%	1.4%	21.9%	9.9%	6.3	1.3
VCB	HOSE	498,834	2,657,441	248,491	0.6%	0.3%	279.3%	1.7%	17.9%	11.6%	12.0	2.0
MBB	HOSE	194,528	1,733,013	156,763	1.5%	1.0%	93.6%	1.9%	21.6%	11.0%	6.5	1.3
VPB	HOSE	198,348	1,502,526	191,215	3.3%	3.3%	56.2%	2.2%	17.7%	14.4%	6.7	1.1
TCB	HOSE	210,461	1,273,077	188,997	1.1%	0.7%	125.6%	2.3%	15.7%	14.6%	7.8	1.2
ACB	HOSE	130,019	1,067,845	99,315	1.0%	0.7%	105.3%	1.5%	16.3%	12.5%	8.3	1.3
HDB	HOSE	132,890	1,045,435	90,226	2.8%	4.8%	50.0%	2.0%	24.8%	16.7%	6.8	1.6
SHB	HOSE	62,521	962,667	75,154	2.1%	0.7%	82.5%	1.3%	17.2%	12.6%	4.5	0.8
STB	HOSE	140,637	892,049	62,807	7.5%	3.1%	56.7%	0.4%	5.0%	9.2%	-	2.2
LPB	HOSE	158,027	615,502	43,030	1.9%	1.3%	66.8%	1.9%	24.7%	11.9%	14.0	3.7
VIB	HOSE	49,869	580,998	47,838	2.9%	2.6%	43.6%	1.3%	15.7%	-	6.7	1.0
TPB	HOSE	40,501	547,664	49,566	1.9%	1.9%	66.5%	1.5%	17.9%	18.9%	5.3	0.9
MSB	HOSE	50,544	440,999	45,247	2.5%	1.3%	51.6%	1.5%	13.7%	12.5%	8.6	1.1
NAB	HOSE	25,474	451,517	25,892	1.5%	0.6%	68.3%	1.1%	19.5%	11.2%	5.2	1.0
SSB	HOSE	51,603	427,108	42,195	2.3%	0.8%	66.6%	0.7%	7.3%	13.4%	17.3	1.2
OCB	HOSE	31,850	351,741	35,822	3.5%	2.5%	59.4%	1.3%	13.0%	12.3%	7.2	0.9
EIB	HOSE	33,529	266,068	26,488	3.1%	1.7%	31.7%	0.2%	1.9%	12.4%	-	1.3
ABB	UPCoM	26,935	260,563	22,597	1.2%	0.7%	87.2%	1.7%	21.3%	11.4%	5.8	1.2
BAB	HNX	12,448	214,351	13,739	1.1%	0.4%	134.9%	0.6%	9.0%	10.1%	10.3	0.9
VBB	HOSE	15,637	204,825	13,154	1.9%	2.0%	69.1%	0.8%	13.1%	13.4%	9.1	1.2
NVB	HNX	32,756	198,896	14,320	6.4%	0.6%	18.9%	0.2%	2.2%	-	-	2.3
VAB	HOSE	8,204	149,131	10,816	1.2%	0.1%	100.4%	1.0%	13.7%	9.4%	5.8	0.8
BVB	HOSE	7,946	141,974	7,922	3.2%	1.3%	43.6%	0.6%	10.3%	13.3%	10.2	1.0
KLB	HOSE	9,812	114,911	9,289	1.8%	1.5%	91.3%	1.9%	24.1%	14.4%	4.8	1.1
PGB	UPCoM	7,009	89,312	8,212	2.9%	2.9%	43.0%	0.8%	9.7%	10.6%	8.9	0.9
SGB	UPCoM	4,332	35,670	4,233	2.9%	9.8%	35.7%	0.1%	0.5%	15.6%	-	1.0
Trung bình		98,942	838,079	71,567	2.4%	1.8%	79.2%	1.2%	14.6%	12.5%	8.1	1.3
Trung vị		49,869	451,517	43,030	1.9%	1.3%	66.8%	1.3%	15.7%	12.4%	7.2	1.2

Nguồn: Fiinpro-X, ACBS

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu,
Phường Xuân Hoà, TP. HCM
Tel: (+84 28) 7300 7000

Chi nhánh Hà Nội

Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9396

PHÒNG PHÂN TÍCH & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Email: research.gr@acbs.com.vn
trangdm@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Trưởng phòng khối khách hàng định chế

Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 7300 7000 (x1083)
huongctk@acbs.com.vn
groupis@acbs.com.vn

Giám đốc Xử lý giao dịch KHĐC

Nguyễn Trần Như Huỳnh
(+84 28) 7300 6879 (x1088)
huynhntn@acbs.com.vn

NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ

MUA	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 20% so với giá thị trường.
KHẢ QUAN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.
TRUNG LẬP	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong khoảng -10% và 10% so với giá thị trường.
KÉM KHẢ QUAN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.
BÁN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 20% so với giá thị trường.

KHUYẾN CÁO

Vui lòng nhấp vào [đây](#) để xem toàn văn Khuyến cáo, bao gồm: Xác nhận của chuyên viên phân tích, Công bố thông tin quan trọng, Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm.

Trường hợp liên kết phía trên không hoạt động, vui lòng truy cập trực tiếp tại:
https://acbs.com.vn/acbsmedia/2026/07/KhuyenCao_VI.pdf